

## NHỮNG TỪ CHUYỂN Ý TRONG VĂN VIẾT TIẾNG ANH

- **Để cung cấp thêm thông tin:** again (một lần nữa), and (và), also (cũng vậy), besides (ngoài ra), equally important (cũng quan trọng như vậy), first (thứ nhất là) second (thứ hai là), further (thêm nữa), furthermore (hơn nữa), in addition (thêm vào đó), in the first place (ở vị trí thứ nhất), moreover (ngoài ra), next (kế tiếp là), too (cũng vậy, nữa).

- **Để cho thí dụ:** for example (chẳng hạn như), instance (lấy ví dụ), in fact (trên thực tế thì), specifically (cụ thể là), that is (có nghĩa là), to illustrate (để minh họa).

- **Để so sánh:** also (cũng vậy), in the same manner (cũng theo cách này), likewise (tương tự như vậy), similarly (một cách tương tự).

- **Để đối lập:** although (mặc dù..., nhưng...), and yet (vậy mà), at the same time (đồng thời), but (nhưng), despite (mặc dù), even though (dù cho), however (tuy nhiên), in contrast (ngược lại), in spite of (mặc dù), nevertheless (tuy nhiên), on the contrary (trái lại), on the other hand (mặt khác), still (mặc dù vậy), though (mặc dù), yet (tuy nhiên).

- **Để tóm tắt hoặc kết luận:** all in all (nói tóm lại), in conclusion (tóm lại), in other words (nói cách khác), in short (tóm lại), in summary (tóm lại), on the whole (nói chung), that is (có nghĩa là), therefore (do đó), to sum up (tóm lại)

- **Để nói về thời gian:** after (sau khi), afterward (sau này), as (trong khi), as long as (miễn là), as soon as (ngay khi), at last (sau cùng), before (trước khi), during (trong suốt thời gian), earlier (trước đó), inally (sau cùng), formerly (trước kia), immediately (ngay lập tức), later (sau đó), meanwhile (trong khi đó), next (tiếp theo), since (kể từ), shortly, (ngay sau đó, không lâu) subsequently (rồi sau đó, rồi thì), then (thế rồi), thereafter (sau đó), until (cho đến khi), when (khi), while (trong khi).

- **Để nói về nơi chốn và phương hướng:** above (bên trên), beyond (ở bên kia), close (kế bên), elsewhere (ở chỗ khác), farther (xa hơn), here (ở đây), nearby (ở gần đây), opposite (đối diện), to the left (về phía bên trái), north (hướng bắc).

- **Để chỉ mối liên hệ logic:** accordingly (do vậy), as a result (kết quả là), because (bởi vì), consequently (bởi vậy), for this reason (vì lý do này), hence (vì thế), if (nếu), otherwise (mặt khác), since (vì), so (vì thế), then (sau đó), therefore (do đó), thus (như vậy).

## **Cách dùng từ nối trong tiếng Anh (linking words)**

Từ nối trong tiếng Anh - linking words, hay transitions, là những từ dùng để chỉ dẫn cho người đọc, giúp quá trình ngắt câu, chuyển ý khi đọc văn bản trở nên rõ ràng hơn. Những từ này cũng giúp cho người đọc theo dõi nội dung văn bản cũng như ý tưởng của tác giả dễ dàng hơn.

Những từ nối thông dụng nhất có thể được liệt kê ra theo các nhóm sau:

### **1. Khi so sánh (Comparing things)**

- By contrast
- Conversely
- In contrast
- On the contrary

Ngược lại

- However
- Nevertheless

Tuy nhiên

- In spite of: mặc dù
- Instead: thay vì
- Likewise: tương tự như thế,
- Otherwise: mặt khác

- On the one hand: mặt này
- On the other hand: mặt khác

## 2. Khi khái quát (generalizing)

Thông thường, thường thì

- As a rule
- As usual
- For the most part
- Ordinarily
- Usually

Nói chung, nhìn chung

- Generally
- In general

## 3. Khi miêu tả quá trình hoặc liệt kê

- First, ... : Thứ nhất
- Second, ... : Thứ hai
- Third, ... : Thứ ba
- Next, ... : Sau đây
- Then, ... : Tiếp theo
- Finally, ... : Cuối cùng

Lưu ý rằng trong tiếng Anh, phần lớn cách diễn đạt thông qua từ First, Second, Third... phổ biến hơn cách dùng Firstly, Secondly, Thirdly... mà chúng ta vẫn thường được biết. Vì thế bạn nên sử dụng cách thứ nhất (First, Second, Third...).

## 4. Một số từ nối trong tiếng Anh quen thuộc khác

### So that

Chúng ta có thể dùng “so that” để nói lên mục đích (lý do của 1 hành động nào đó). “So that” thường đi kèm với “can, could, will hoặc would”

Ex: The police locked the door so(that) no-one could get in.

Cảnh sát đã đóng cửa vì vậy không ai có thể vào trong.

Ngoài ra, chúng ta có thể dùng “to” để miêu tả mục đích trong trường hợp chủ ngữ của

mệnh đề chính và mệnh đề chỉ mục đích là một. Nếu 2 chủ ngữ của 2 mệnh đề khác nhau, chúng ta không được dùng “to” mà phải dùng “so that”.

- Jack went to England so that he could study engineering.
- Jack went to England to study engineering.( NOT for to study )
- Jack went to England so that his brother would have some help working in the restaurant.

### **In order to, so as to**

“In order to, so as to” là cách trang trọng, lịch sự để nói về mục đích

Scientists used only local materials, in order to save money.

Thể phủ định: in order not to, so as not to.

Ex: The soldiers moved at night, so as not to alarm the villagers.

Những người lính đã dời đi vào buổi tối, để không đánh thức dân làng.

### **For**

“For” miêu tả cách một thứ gì đó được sử dụng

- This button is for starting the engine.
- This is for the lights.

### **So, such a**

“So” được dùng với 1 tính từ hoặc trạng từ

- Jim was so tall (that) he hit his head on the ceiling.
- Jim drove so quickly(that) they reached the station twenty minutes early.

“Such a” được dùng với 1 cụm tính từ + danh từ số ít

Ex: Helen is such a busy person(that) she never feels bored.

Helen là một con người bận rộn đến nỗi mà cô ấy không bao giờ cảm thấy buồn chán.

### **So many, so much, so few, so little**

So many/few được dùng với danh từ đếm được số nhiều. So much/little được dùng với danh từ không đếm được

Ex: There were so many passengers(that) we couldn't find a seat.

There was so much noise(that) I didn't get to sleep until 3 a.m.

### **Too/Not enough + to**

“Too” được dùng để chỉ cái gì đó quá mức cần thiết. Not enough thì ngược lại. Cả 2 đều đứng trước 1 tính từ + to + mệnh đề so sánh.

- The bookcase was too big to get down the stairs.
- The bookcase was not small enough to get down the stairs.

### **Although, though, even though**

Although thường được dùng thành “though” trong khi diễn thuyết. Though có thể đứng cuối câu nhưng although thì không thể.

- Although I asked her, she didn't come. (speech and writing)
- Though I asked her, she didn't come. (speech)
- I asked her, (but) she didn't come, though. (speech)

“Even though” thể hiện sự đối lập mạnh hơn “although”.

Even though I asked her, she didn't come. (which was really surprising)

### **While, whereas**

While and whereas dùng trong các tình huống trang trọng, lịch sự, dùng để so sánh 2 sự việc với nhau và phân tích chúng.

While United were fast and accurate, City were slow and careless.

### **However, nevertheless**

However là cách diễn đạt sự đối lập trong văn viết và nói một cách trang trọng. Nó có thể đứng ở đầu, giữa hoặc cuối câu, và được ngăn cách với câu bởi dấu phẩy (hoặc 1 khoảng dừng trong bài diễn thuyết).

- Normally we don't refund money without a receipt. However, on this occasion I'll do it.
- Normally we don't refund money without a receipt. On this occasion, however, I'll do it.

“Nevertheless” là một cách nói trang trọng hơn nhiều để thay cho “however”

I'm not happy with your work. Nevertheless, I'm going to give you one last chance.

## **Despite and in spite of**

Thường đi kèm với 1 danh từ (hoặc thêm đuôi -ing để thành 1 danh từ), nhưng không phải 1 cấu trúc có đủ chủ, vị ngữ

In spite of the rain, we went out. (Although it was raining, we went out.)

Despite losing, we celebrated. (Although we lost, we celebrate.)

Từ nối nên được đặt ở vị trí đầu câu là tốt nhất vì dễ gây chú ý cho người đọc và đạt hiệu quả chỉ dẫn cao hơn. Bạn có thể tham khảo ví dụ minh họa sau đây:

- Researching in reducing emissions, as a rule has provided...
- As a rule, researching in reducing emission has provided...

Tuy nhiên khi soạn văn bản, bạn cũng không hoàn toàn bắt buộc phải làm như thế. Từ nối có thể được đặt ở giữa câu, hoặc thậm chí cuối câu tùy hoàn cảnh và mục đích cụ thể, ví dụ như khi bạn muốn nhấn mạnh chẳng hạn.

Cách đơn giản nhất để kiểm tra xem một văn bản có dễ đọc hay không là đếm xem trong văn bản đó có bao nhiêu câu bắt đầu bằng “The”. Nếu như có nhiều câu như thế thì văn bản của bạn không dễ đọc chút nào đâu và bạn cần bổ sung vào đó những từ nối một cách hợp lý nhé. Nếu như sử dụng đúng cách thì những từ nối sẽ phát huy tác dụng trong việc nâng cao khả năng truyền tải thông tin của một văn bản. Và tất nhiên việc dùng quá nhiều từ nối trong một văn bản cũng như việc chúng ta đặt quá nhiều biển chỉ dẫn trên đường, điều này sẽ khiến người đọc cảm thấy rối và dẫn đến nguy cơ không hiểu được văn bản đang đọc.

Chúc các bạn sử dụng từ nối trong tiếng Anh một cách có hiệu quả và thành công trong việc giao tiếp cũng như soạn thảo văn bản tiếng Anh !!

Nơi chia sẻ tài liệu học tập: <https://www.facebook.com/groups/sharebooksanddocuments/>

**Cập nhật tài liệu ôn thi Anh văn A, B và C mới nhất của trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM –IUH**

<https://www.facebook.com/groups/sharebooksanddocuments/>

<https://www.facebook.com/groups/sharebooksanddocuments/>



**FANPAGE CỦA KHOA NGOẠI NGỮ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM (IUH).**

<https://www.facebook.com/khoangoaingulUH>